TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST Ngày 05-4-2023 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thúy Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thành;

Bà Lý Thị Phẩm.

-***Thư ký phiên toà*:** Bà Lý Thị Slỉnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Bà Hoàng Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 08/2023/TLST- HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tàng Thị T, sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Anh Lộc Văn T, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Lường Thị Q, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17-10-2022, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Tàng Thị T trình bày: Chị Tàng Thị T và anh Lộc Văn T kết hôn với nhau từ năm 2017, trước khi cưới hai người có thời gian tự tìm hiểu, yêu

nhau khoảng 06 tháng, được hai gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục tập quán địa phương, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tú Đoạn, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn ngày 30-01-2019. Sau thời điểm kết hôn hai vợ chồng về chung sống cùng nhà với bố mẹ chồng tại xã Tú Đoạn, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được khoảng gần 02 năm, đến tháng 9 năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm, tính cách không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh Lộc Văn T hay phá phách, đánh đập vợ. Mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị đã tha thứ cho anh Lộc Văn T rất nhiều lần nhưng anh Lộc Văn T vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng hai bên gia đình nội, ngoại đều biết và cũng đã khuyên giải nhưng không thể hàn gắn được. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay. Từ khi sống ly thân cả hai không ai còn quan tâm hỏi thăm đến nhau, không ai có hành động gì để hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Lộc Văn B, sinh ngày 14-3-2018. Khi ly hôn chị yêu cầu anh Lộc Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho tới khi con đủ 18 tuổi. Tại đơn khởi kiện chị nêu chị không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng nay anh Lộc Văn T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi chị hoàn toàn nhất trí và chị có trách nhiệm cấp dưỡng trước ngày 30 hàng tháng, Chị Tàng Thị T đề nghị không phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Lộc Văn T vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án anh Lộc Văn T trình bày: Về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn như chị Tàng Thị T trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, vợ chồng sống bình thường được khoảng 02 năm thì chị Tàng Thị T bỏ về nhà ngoại, sau đó đi làm Công ty tại Bắc Giang từ đầu năm 2020 cho đến nay. Từ lúc chị Tàng Thị T bỏ đi anh không liên lạc với chị Tàng Thị T và chị cũng không liên lạc với anh, anh có đến nhà chị Tàng Thị T để đón chị về nhưng không gặp, từ đó anh cũng không lên nhà ngoại lần nào nữa. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ lúc chị Tàng Thị T bỏ nhà đi (đầu năm 2020) đến nay. Trong thời gian sống ly thân không ai có hành động gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không ai liên lạc hỏi thăm nhau. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng với chị Tàng Thị T không còn nên đồng ý ly hôn và anh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về con chung: Có 01 con chung như chị Tàng Thị T trình bày. Hiện nay con chung đang sống cùng anh và nhà nội. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh yêu cầu chị Tàng Thị T phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Tàng Thị T bỏ đi thời gian đầu chị không liên lạc về hỏi thăm con nhưng từ năm 2021 chị không về thăm con nhưng hàng tháng vẫn đóng tiền học, tiền ăn cho con. Trường hợp nuôi con, anh và con sẽ sống cùng mẹ đẻ. Gia đình chỉ có anh là con duy nhất. Mẹ anh có nhà cửa, đất đai nhiều anh có thể đi

làm để có thu nhập đảm bảo nuôi con và mẹ anh vẫn giúp đỡ anh chăm sóc, đưa đón con anh đi học đầy đủ. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Người làm chứng chị Hoàng Thị Đ trình bày: Chị là chị dâu của Tàng Thị T, giữa chị và vợ chồng các em không có mâu thuẫn gì. Thời điểm vợ chồng chưa ly thân chị được biết anh Lộc Văn T có chơi bời, nghịch ngợm, phá phách, say rượu về thì thường hay đánh vợ. Tàng Thị T đã gọi điện báo cho gia đình chị biết và gia đình chị đã đi đón Tàng Thị T về. Khi Tàng Thị T về nhà ngoại chị thấy mặt mũi Tàng Thị T bị thâm tím, chị hỏi thì biết được do Tàng Thị T bị Lộc Văn T đánh. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay. Từ khi vợ chồng sống ly thân chị không thấy Lộc Văn T đến nhà ngoại xin lỗi và cũng không thấy đến đón Tàng Thị T về, không thấy hai người gọi điện hỏi thăm nhau, quan tâm, chăm sóc gì nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng hai bên gia đình có biết và cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được, chị thấy các em khó có thể hàn gắn, đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết dứt điểm. Vợ chồng Tàng Thị T và Lộc Văn T có 01 con chung, do cháu là con trai nên khi ly hôn anh Lộc Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là hợp lý. Về tài sản chung và nợ chung: Chị không thấy vợ chồng có tài sản chung gì và không thấy nợ ai.

Người làm chứng bà Lường Thị Q vắng mặt tại phiên tòa, lời khai trong hồ sơ thể hiện: Bà là mẹ đẻ của anh Lộc Văn T. Trong thời gian vợ chồng anh Lộc Văn T và chị Tàng Thị T còn chung sống bà không thấy vợ chồng có mâu thuẫn gì lớn. Cuối năm 2019, đầu năm 2020 chị Tàng Thị T bỏ đi về nhà ngoại, sau đó đi làm Công ty và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Bà thấy các con khó có thể đoàn tụ được nhưng việc ly hôn là do vợ chồng tự quyết định. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung hiện đang sống cùng bố và vợ chồng bà. Khi ly hôn bà thấy anh Lộc Văn T nuôi con là hợp lý nhưng để đảm bảo nuôi con đến tuổi trưởng thành yêu cầu chị Tàng Thị T cùng phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Hiện nay anh T chưa có nhà cửa, tài sản riêng nhưng sau này đất đai, nhà cửa ông bà cũng sẽ để lại cho Lộc Văn T quản lý, sử dụng vì gia đình chỉ có 01 người con trai là Lộc Văn T. Cháu nội đi học gần nhà nên hàng ngày bà vẫn giúp đỡ Lộc Văn T trong việc chăm sóc, đưa đón cháu đi học đầy đủ. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung hay vay nợ ai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn: Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lộc Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Tàng Thị T và anh Lộc Văn T kết hôn có đăng ký theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống có mâu thuẫn, vợ chồng không

còn tình cảm, không quan tâm đến nhau, đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Tàng Thị T được ly hôn anh Lộc Văn T. Về con chung: Chị Tàng Thị T yêu cầu anh Lộc Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, hiện nay cháu đang sống cùng với anh Lộc Văn T và bà nội từ nhỏ đến nay và cháu đang học tập ổn định, anh Lộc Văn T tuy vắng mặt nhưng có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Lộc Văn T yêu cầu chị Tàng Thị T cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, tại phiên toà chị Tàng Thị T nhất trí yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của anh Lộc Văn T, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình giao con chung cho anh Lộc Văn T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi, chị Tàng Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí chị Tàng Thị T phải chịu án phí hôn nhân và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Anh Lộc Văn T có Hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là nơi bị đơn cư trú. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lộc Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng đã có Đơn xin giải quyết vắng mặt. Người làm chứng bà Lường Thị Q vắng mặt nhưng hồ sơ thể hiện đã có lời khai. Xét thấy việc vắng mặt của bị đơn, người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tàng Thị T và anh Lộc Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc hay bị lừa dối, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 30-01-2019, hôn nhân này là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Tàng Thị T xác định vợ chồng có mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay và không còn tình cảm với nhau đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn. Phía bị đơn anh Lộc Văn T cũng xác định vợ chồng đã sống ly thân, xác định không cảm tình cảm nên nhất trí ly hôn, do anh Lộc Văn T vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không thể công nhận thuận tình ly hôn được. Lời khai của những người làm chứng cho biết anh chị đã có mâu thuẫn, đã sống ly thân và khó có thể hàn gắn đoàn tụ được. Xét thấy, hôn

nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho chị Tàng Thị T được ly hôn anh Lộc Văn T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Lộc Văn B, sinh ngày 14-3-2018. Tại đơn khởi kiện chị Tàng Thị T yêu cầu anh Lộc Văn T nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng tại phiên tòa chị đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của anh Lộc Văn T với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào trước ngày 30 hàng tháng, chị Tàng Thị T không phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Do anh Lộc Văn T vắng mặt nên Toà án không thể công nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con được, nhưng quá trình giải quyết vụ án không có đương sự nào tranh chấp về người chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Lộc Văn B cho anh Lộc Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp với ý kiến của các đương sự, người làm chứng. Chị Tàng Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng trước ngày 30 hàng tháng và chị Tàng Thị T không phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa đưa ra là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn Tàng Thị T phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57; 58; 81; 82; 83; 107; 110; 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tàng Thị T được ly hôn anh Lộc Văn T *(Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 30-01-2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn).*

2. Về con chung, xử: Giao cháu Lộc Văn B, sinh ngày 14-3-2018 cho anh Lộc Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Tàng Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào trước ngày 30 hàng tháng. Chị Tàng Thị T không phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Chị Tàng Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Tàng Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền án phí chị Tàng Thị T phải nộp là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng. Xác nhận chị Tàng Thị T đã nộp số tiền án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0005238 ngày 15 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn, nay chị Tàng Thị T phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình;
- CCTHADS huyện L;
- UBND xã T, h L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thúy Huyền